

Số: /KH-UBND

Tuần Giáo, ngày 04 tháng 8 năm 2022

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn huyện Tuần Giáo

Căn cứ Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ ban hành Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Kế hoạch số 1980/KH-UBND ngày 29/6/2022 của UBND tỉnh Điện Biên ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

UBND huyện Tuần Giáo ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn huyện (sau đây gọi tắt là Kế hoạch) với các nội dung sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Quán triệt và tổ chức thực hiện tốt các Nghị quyết, Chỉ thị của Đảng, Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ, Kế hoạch số 1980/KH-UBND ngày 29/6/2022 của UBND tỉnh Điện Biên và các văn bản có liên quan về lĩnh vực công tác dân tộc trong tình hình mới;

- Xác định rõ nội dung, trách nhiệm của các cấp, các ngành trong tổ chức thực hiện các chủ trương của Đảng và Nhà nước liên quan đến công tác dân tộc. Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức, trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, sự đồng thuận của toàn xã hội về công tác dân tộc. Phối hợp triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình, chính sách đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

- Huy động sức mạnh của cả hệ thống chính trị nhằm tổ chức thực hiện tốt công tác dân tộc trong thời gian tới. Phát huy vai trò của cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể trong việc chăm lo, giúp đỡ, hỗ trợ phát triển sản xuất, giảm nghèo bền vững cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

2. Yêu cầu

- Các phòng, ban, ngành, đơn vị cấp huyện, UBND các xã, thị trấn căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao để triển khai thực hiện Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ, Kế hoạch số 1980/KH-UBND ngày 29/6/2022 của UBND tỉnh Điện Biên đảm bảo hiệu quả, đạt được các mục tiêu đề ra;

- Nâng cao vai trò, trách nhiệm của các cấp, các ngành trong việc lãnh đạo chỉ đạo, tổ chức thực hiện Kế hoạch;

- Việc tổ chức thực hiện Kế hoạch phải được kiểm tra, theo dõi, giám sát hàng năm bằng các chỉ tiêu, nhiệm vụ cụ thể đảm bảo chất lượng, hiệu quả.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

- Ưu tiên phát triển toàn diện, nhanh, bền vững vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; khai thác tiềm năng, phát huy thế mạnh của địa phương, bảo vệ môi trường và không gian sinh sống của đồng bào dân tộc thiểu số; thu hẹp dần khoảng cách về mức sống, thu nhập của vùng đồng bào dân tộc thiểu số so với bình quân chung của huyện;

- Giảm dần số xã, bản đặc biệt khó khăn, cải thiện rõ rệt đời sống và nâng cao sinh kế của đồng bào, chú trọng thu hút các nguồn lực để đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, kết nối với các vùng phát triển;

- Đẩy mạnh phát triển đồng bộ các lĩnh vực: giáo dục, đào tạo, y tế, văn hóa; bảo đảm an sinh xã hội, giảm nghèo nhanh và bền vững;

- Xóa bỏ dần các phong tục, tập quán lạc hậu, đồng thời bảo tồn, phát huy các bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp đặc trưng của các dân tộc;

- Nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước và chất lượng nguồn nhân lực vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; chú trọng việc nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động là người dân tộc thiểu số;

- Tập trung xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở vững mạnh, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Củng cố sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Mục tiêu đến năm 2025

- Phấn đấu mức thu nhập bình quân của người dân ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đạt 45 triệu đồng/người/năm.

- Tỷ lệ hộ nghèo chung toàn huyện bình quân hằng năm giảm từ 5%, trong đó: tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số giảm bình quân từ 5% trở lên; có ít nhất 03 xã đặc biệt khó khăn thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn.

- 100% bản có đường giao thông từ xã đến trung tâm bản được cứng hóa; 100% số phòng học và 90% phòng nội trú được kiên cố hóa; 100% số trạm y tế có cơ sở hạ tầng bảo đảm quy định của Bộ Y tế; 98% số hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia và các nguồn điện khác phù hợp; trên 90% người dân nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh; 100% đồng bào dân tộc thiểu số được xem truyền hình và nghe đài phát thanh.

- Bố trí, sắp xếp, ổn định dân cư cho trên 80% số hộ dân tộc thiểu số đang cư trú ở những nơi có nguy cơ xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở đất.

- Tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi ra lớp đạt 99,9%, tỷ lệ học sinh 6-10 tuổi học tiểu học đạt 99,84%, tỷ lệ học sinh 11-14 tuổi học trung học cơ sở đạt 97,7%, tỷ

lệ học sinh 15-18 tuổi học trung học phổ thông và tương đương đạt 72,8%, tỷ lệ người trong độ tuổi từ 15-60 đạt chuẩn biết chữ mức độ 1 đạt 95,5%.

- Tăng cường công tác y tế để đồng bào dân tộc thiểu số được tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe; trên 98% đồng bào dân tộc thiểu số tham gia bảo hiểm y tế; tỷ lệ trẻ em dân tộc thiểu số dưới 05 tuổi bị suy dinh dưỡng (cân nặng/tuổi) giảm xuống dưới 15,4%; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng (chiều cao/tuổi) giảm xuống dưới 31,2%; tỷ lệ phụ nữ người dân tộc thiểu số được khám thai ít nhất 3 lần trong kỳ mang thai trên 90%; kiểm soát và duy trì tỷ lệ tăng dân số tự nhiên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số hợp lý (dưới 1,45%)

- Bình quân mỗi năm đào tạo nghề cho 1.000 lao động là người dân tộc thiểu số; giải quyết việc làm cho 1.000 lao động là người dân tộc thiểu số/năm. Có từ 75% lao động người dân tộc thiểu số có việc làm mới hoặc tiếp tục làm nghề cũ nhưng có năng suất, thu nhập cao hơn sau khi học nghề.

- Bảo tồn và phát triển các giá trị, bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc; 100% số xã có nhà văn hóa, trên 55% số bản có nhà sinh hoạt cộng đồng; trên 50% số bản có đội văn hóa, văn nghệ (câu lạc bộ) hoạt động thường xuyên, có chất lượng.

- Đào tạo, quy hoạch, xây dựng đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số, nhất là các dân tộc thiểu số tại chỗ. Bảo đảm tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số phù hợp với tỷ lệ dân số là người dân tộc thiểu số ở từng địa phương.

2.2. Mục tiêu đến năm 2030

- Thu nhập bình quân của người dân tộc thiểu số bằng 1/2 bình quân chung của cả nước; giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống dưới 10%. Cơ bản không còn xã, bản đặc biệt khó khăn; 70% số xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi cơ bản đạt chuẩn về xây dựng nông thôn mới.

- Tuổi thọ trung bình người dân tộc thiểu số đạt 73 tuổi, trong đó thời gian sống khỏe mạnh đạt tối thiểu 64 năm.

- Tỷ lệ người dân tộc thiểu số trong độ tuổi lao động được đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu, điều kiện và có thu nhập ổn định đạt 35 - 40%.

- Chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số, hằng năm thu hút 3% lao động sang làm các ngành, nghề: công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, du lịch, dịch vụ. Đến năm 2030, có 40% lao động người dân tộc thiểu số biết làm các ngành, nghề: công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, du lịch, dịch vụ.

- Trên 95% cán bộ, công chức cấp xã có trình độ chuyên môn từ trung cấp trở lên, trong đó trên 70% có trình độ đại học và trung cấp lý luận chính trị trở lên.

- Phân đấu có 60% số hộ nông dân người dân tộc thiểu số làm kinh tế nông - lâm nghiệp hàng hóa.

- Không để phát sinh nhà ở đơn sơ trên địa bàn toàn huyện, đặc biệt là khu vực đô thị; ngăn chặn tình trạng suy thoái môi trường sinh thái.

- Trên 90% số xã, bản vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi có đủ cơ

sở hạ tầng đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và đời sống của người dân.

- Bố trí, sắp xếp, ổn định dân cư cho 100% hộ dân tộc thiểu số đang cư trú phân tán, rải rác ở những nơi có nguy cơ xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở đất.

- Cơ bản hoàn thành chỉ tiêu đã đề ra trong mục tiêu phát triển bền vững đến năm 2030.

2.3. Tầm nhìn đến năm 2045

- Thu nhập bình quân của người dân tộc thiểu số bằng 1/2 bình quân chung của cả nước.

- Hộ nghèo giảm xuống dưới 5%; người dân được tiếp cận đầy đủ các dịch vụ xã hội cơ bản.

- Các xã, bản vùng đồng bào dân tộc thiểu số có đủ cơ sở hạ tầng đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và đời sống của người dân.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Nhiệm vụ đột phá

1.1. Tiếp tục thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng, Nhà nước về công tác dân tộc, chính sách dân tộc; nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về công tác dân tộc trên địa bàn huyện.

1.2. Phát huy lợi thế, tiềm năng, đặc thù của vùng đồng bào dân tộc thiểu số, hướng tới phát triển bền vững và thúc đẩy tinh thần tự lực, tự cường của đồng bào dân tộc thiểu số trong phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo nhanh, bền vững và bảo đảm quốc phòng, an ninh.

1.3. Về phát triển nguồn nhân lực

- Ưu tiên đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao để làm đầu mối dẫn dắt, tập hợp đồng bào dân tộc thiểu số trong tổ chức sản xuất, quản lý xã hội; phát triển nguồn nhân lực có khả năng ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ mới, kết hợp với phát huy các tri thức bản địa và kinh nghiệm sống, sản xuất của đồng bào trong phát triển kinh tế và giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực tiễn xã hội;

- Tập trung đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang công tác tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, đáp ứng yêu cầu cuộc cách mạng công nghiệp 4.0; trong đó chú trọng đào tạo, quy hoạch, xây dựng và phát triển tại chỗ đội ngũ cán bộ là người dân tộc thiểu số. Bảo đảm tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số phù hợp với tỷ lệ dân số là người dân tộc thiểu số ở từng địa phương, cơ quan, đơn vị; đặc biệt là tại các cơ quan quản lý nhà nước về công tác dân tộc, thực hiện chính sách dân tộc;

- Quan tâm tạo nguồn cán bộ, công chức, viên chức nữ là người dân tộc thiểu số; hỗ trợ nâng cao năng lực để đủ điều kiện giới thiệu tham gia các vị trí lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan, tổ chức của hệ thống chính trị;

- Nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo, dạy nghề đối với con em vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; tập trung đào tạo, bồi dưỡng các chuyên ngành có

nhu cầu cấp thiết như: Bác sĩ, dược sĩ, kỹ sư nông nghiệp, công nghệ thông tin, quản lý văn hóa cơ sở, quản lý kinh tế, tài chính - ngân hàng, quản trị nhân lực, công nghệ thực phẩm...

1.4. Phát triển đồng bộ hạ tầng thiết yếu, phục vụ sinh hoạt, sản xuất, giao thương, tăng cường kết nối thị trường, lưu thông hàng hóa bảo đảm yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương. Trong đó ưu tiên phát triển hệ thống giao thông liên huyện, liên xã kết nối với hệ thống đường tỉnh lộ, quốc lộ để tạo động lực phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

1.5. Phát triển hạ tầng kinh tế số, đẩy mạnh chuyển đổi số vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; xây dựng và phát triển đồng bộ hạ tầng dữ liệu về dân tộc phục vụ công tác quản lý, điều hành, chỉ đạo của các cơ quan chức năng.

1.6. Tăng cường nghiên cứu và ứng dụng các tiên bộ khoa học, công nghệ; khuyến khích khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh, đổi mới, sáng tạo, phát minh, sáng chế phù hợp điều kiện đặc thù của các địa phương vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

1.7. Đẩy mạnh các hoạt động thông tin, tuyên truyền các đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đa dạng các hình thức phổ biến giáo dục pháp luật cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; tăng cường đồng thuận xã hội; củng cố lòng tin của đồng bào với Đảng và Nhà nước.

2. Nhiệm vụ chủ yếu

2.1. *Đổi mới phương thức quản lý nhà nước về công tác dân tộc*: Xác định và phân công rõ vai trò, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong thực hiện nhiệm vụ công tác dân tộc và các chính sách dân tộc; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực công tác dân tộc theo hướng tinh gọn, đồng bộ, thống nhất, linh hoạt, đáp ứng các yêu cầu trong tình hình mới.

2.2. *Về phát triển kinh tế*: Tập trung mọi nguồn lực đầu tư phát triển mạnh kinh tế hàng hóa ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; chú trọng phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã, kinh tế tư nhân, gắn sản xuất với chế biến, kết nối thị trường, tạo chuỗi giá trị, gia tăng giá trị nhằm phát huy tiềm năng, lợi thế, phù hợp với đặc thù của huyện.

- Đối với nông nghiệp:

+ Phát triển nông nghiệp theo hướng phát triển bền vững, nâng cao chất lượng, gia tăng giá trị và khả năng cạnh tranh; tập trung hình thành các vùng chuyên canh tập trung với quy mô hợp lý, phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu và sử dụng lao động tại chỗ; chú trọng cơ cấu sản phẩm nông nghiệp theo nhóm sản phẩm chủ lực (cấp huyện và đặc sản địa phương) gắn với Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP); định hướng cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp theo lĩnh vực và phù hợp với kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2025;

+ Chú trọng phát triển lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân; hoàn thành giao đất gắn với giao rừng cho các hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư theo quy hoạch được phê duyệt; kiên quyết chấm dứt tình

trạng phá rừng làm nương rẫy và hủy hoại đất rừng;

- Đối với công nghiệp - xây dựng:

+ Lựa chọn một số ngành, lĩnh vực chủ yếu, có tiềm năng, thế mạnh để ưu tiên phát triển gắn liền với tăng cường công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, rừng phòng hộ, rừng đầu nguồn và địa bàn sinh sống của đồng bào dân tộc thiểu số;

+ Hình thành các cụm liên kết ngành công nghiệp phù hợp với tiềm năng, thế mạnh của huyện theo hướng đẩy mạnh liên kết vùng;

+ Bố trí nguồn lực Nhà nước và huy động các nguồn lực xã hội để đầu tư phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, trong đó ưu tiên kiên cố hóa đường giao thông, công trình thủy lợi, nước sinh hoạt, chợ, trường học, trạm y tế, nhà văn hóa; kết nối điện lưới quốc gia tới các hộ gia đình; hoàn thiện kết cấu hạ tầng viễn thông, thông tin, truyền thông phục vụ nhu cầu sản xuất, sinh hoạt;

- Đối với thương mại, dịch vụ, du lịch:

+ Thúc đẩy lưu thông và tiêu thụ hàng hóa. Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ trong phát triển các kênh phân phối và thương mại điện tử; phát triển các mô hình sản xuất kinh doanh mới.

+ Đẩy mạnh phát triển du lịch sinh thái; du lịch “trải nghiệm”, du lịch “nông nghiệp”, tôn trọng yếu tố tự nhiên và văn hóa truyền thống vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

2.3. Về phát triển giáo dục - đào tạo

- Phát huy và nâng cao hiệu quả công tác xóa mù chữ, phổ cập giáo dục mầm non, tiểu học và trung học cơ sở, trong đó đặc biệt ưu tiên xóa mù chữ cho phụ nữ, trẻ em gái ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, đảm bảo tỉ lệ biết chữ cân bằng giữa nam và nữ.

- Rà soát, sắp xếp mạng lưới các cơ sở giáo dục theo lộ trình hợp lý, bảo đảm quyền lợi học tập của học sinh và đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Chú trọng củng cố và phát triển hợp lý số lượng, chất lượng, quy mô các trường phổ thông dân tộc bán trú để đáp ứng nhu cầu học tập của con em người dân tộc thiểu số, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Đẩy mạnh công tác giáo dục thể chất nhằm bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, phát triển tầm vóc đối với trẻ em, học sinh vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Dạy song hành tiếng Việt và tiếng dân tộc thiểu số phù hợp với nhu cầu, năng lực và năng khiếu của từng nhóm đối tượng.

- Tăng cường công tác giáo dục hướng nghiệp và phân luồng học sinh gắn với thực tiễn sản xuất kinh doanh và nhu cầu lao động tại địa phương; thực hiện cơ chế thu hút sự tham gia của cơ sở dạy nghề, doanh nghiệp trong xây dựng chương trình, tài liệu và đánh giá kết quả giáo dục hướng nghiệp ở trường phổ thông và trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên.

- Ưu tiên bố trí đủ số lượng, cơ cấu và bồi dưỡng chuẩn hóa đội ngũ nhà giáo,

cán bộ quản lý tại các cơ sở giáo dục để đáp ứng yêu cầu về đổi mới giáo dục, đào tạo; tiếp tục nghiên cứu, đề xuất, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện và thực hiện hiệu quả các chính sách giáo dục đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

2.4. Về y tế và dân số

- Ưu tiên giải quyết các vấn đề sức khỏe của đồng bào dân tộc thiểu số; tăng cường khả năng tiếp cận cũng như cung cấp dịch vụ y tế, dân số có chất lượng, giảm gánh nặng chi phí chăm sóc sức khỏe cho đồng bào dân tộc thiểu số. Trong đó quan tâm thực hiện một số chính sách cụ thể về: Bảo hiểm y tế; nâng cấp hệ thống y tế và phát triển đội ngũ cán bộ y tế cơ sở; tuyên truyền phổ biến chính sách dân số kế hoạch hóa gia đình; chính sách tiêm chủng, dinh dưỡng và an toàn vệ sinh, an toàn thực phẩm.

- Tăng cường hướng dẫn, truyền thông về bình đẳng giới, tác hại của tình trạng tảo hôn, kết hôn cận huyết thống, có cơ chế để phụ nữ người dân tộc thiểu số tiếp cận tốt hơn dịch vụ công, dịch vụ xã hội thiết yếu và các dịch vụ tư vấn về hôn nhân, kế hoạch hóa gia đình, bảo vệ phụ nữ, trẻ em.

2.5. Về bảo tồn và phát triển văn hóa các dân tộc

- Bảo tồn, phát triển văn hóa truyền thống các dân tộc phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, tôn vinh các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc, phát huy vai trò của các chủ thể văn hóa và khích lệ sự sáng tạo các giá trị văn hóa mới trong phát triển văn hóa truyền thống các dân tộc, góp phần giảm dần sự chênh lệch về mức sống và hưởng thụ văn hóa giữa các dân tộc.

- Gắn bảo tồn, phát triển văn hóa với phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh, đặc biệt gắn với phát triển du lịch.

- Tiếp tục bảo tồn, phát huy giá trị các di tích lịch sử văn hóa và danh lam thắng cảnh, đặc biệt là di tích lịch sử cấp Quốc gia, cấp tỉnh nhằm tạo ra sản phẩm du lịch đặc trưng của huyện.

2.6. Về quốc phòng, an ninh

- Tập trung tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức của đồng bào dân tộc thiểu số để kịp thời nhận diện, chủ động đấu tranh, ngăn chặn, vô hiệu hóa âm mưu, thủ đoạn, hoạt động của các thế lực thù địch nhằm kích động, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc, kích động ly khai tự trị, lập “Nhà nước riêng”, biểu tình, phá rối trật tự an toàn xã hội.

- Tổ chức tốt công tác nắm tình hình ở cơ sở, tâm tư, nguyện vọng của đồng bào dân tộc thiểu số, trên cơ sở đó kịp thời tham mưu cho cấp có thẩm quyền giải quyết các tình huống phát sinh, không để hình thành các “điểm nóng” về an ninh, trật tự. Giải quyết triệt để các loại tà đạo như “Giê sù”, “Bà cô Dợ” và những phức tạp liên quan đến hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, không để kẻ địch và các thế lực phản động lợi dụng kích động quần chúng chống đối với danh nghĩa “dân tộc”, “tôn giáo”, “dân chủ”, “nhân quyền”. Tiếp tục phát huy vai trò của người có uy tín và lực lượng cốt cán tôn giáo trong đồng bào dân tộc thiểu số trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi về số lượng, nâng cao về chất lượng, nhất là các địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; tăng cường phối hợp giữa dân quân tự vệ với lực lượng công an xã, thị trấn và các lực lượng khác trong giữ gìn an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội ở cơ sở, qua đó góp phần xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, gắn với thế trận an ninh nhân dân, xây dựng thế trận lòng dân vững chắc.

2.7. Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình, đề án, chính sách đầu tư, hỗ trợ cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

a) Các chương trình, đề án, chính sách do Trung ương ban hành

- Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030;

- Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

- Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

- Chính sách về hỗ trợ phát triển sản xuất, khoa học công nghệ;

- Chính sách về bảo vệ, phát triển rừng;

- Chính sách về hỗ trợ nhà ở;

- Chính sách về dạy nghề, việc làm;

- Chính sách về phát triển giáo dục và đào tạo;

- Chính sách về y tế, dân số và chăm sóc sức khỏe;

- Chính sách về bảo tồn và phát triển văn hóa, thể thao, du lịch;

- Chính sách về thông tin tuyên truyền, phát triển thông tin cơ sở;

- Chính sách cho cán bộ người dân tộc thiểu số, người có uy tín, bình đẳng giới;

- Chính sách về phổ biến giáo dục pháp luật; trợ giúp pháp lý;

b) Các chương trình, đề án, chính sách do tỉnh ban hành

- Chính sách về hỗ trợ phát triển sản xuất;

- Chính sách về giáo dục, y tế, thông tin cơ sở;

- Chính sách về phổ biến giáo dục pháp luật; trợ giúp pháp lý.

3. Giải pháp thực hiện

3.1. Quán triệt, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị và Nhân dân trong thực hiện công tác dân tộc; hiểu rõ vai trò, vị trí, tầm năng to lớn của vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi cũng như các chính sách dân tộc nhất quán của Đảng và Nhà nước, trên cơ sở đó nhận thức đầy đủ các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và chủ động thực hiện hiệu quả Chiến lược công tác dân tộc trong tình hình mới.

3.2. Tận dụng tốt các nguồn lực từ ngân sách Nhà nước và các nguồn hợp pháp khác để thực hiện Chiến lược công tác dân tộc. Thực hiện có hiệu quả các

chính sách đặc thù để khuyến khích, thu hút và hỗ trợ các tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

3.3. Tập trung nguồn lực thỏa đáng, có trọng tâm, trọng điểm để thực hiện các mục tiêu của Chiến lược công tác dân tộc.

3.4. Đổi mới việc xây dựng và thực hiện chính sách dân tộc

- Rà soát, đề xuất điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện hệ thống pháp luật liên quan để đáp ứng yêu cầu phát triển của vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Thực hiện công khai, minh bạch các chương trình, dự án, chính sách để người dân và các tổ chức chính trị - xã hội biết, tham gia quản lý, giám sát, góp ý, phản biện xã hội; tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá mức độ hoàn thành các mục tiêu của chính sách đã ban hành; tổ chức sơ kết, tổng kết, rút ra các bài học kinh nghiệm để kịp thời khắc phục các tồn tại, hạn chế. Phân công nhiệm vụ cụ thể giữa cơ quan chủ trì và cơ quan phối hợp trong việc thực hiện chính sách dân tộc.

3.5. Kiện toàn bộ máy, đổi mới hoạt động và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về công tác dân tộc

- Tiếp tục kiện toàn, xây dựng hệ thống cơ quan quản lý nhà nước về công tác dân tộc tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Đối với cấp xã, bố trí công chức phụ trách, theo dõi công tác dân tộc đảm bảo năng lực đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ quản lý nhà nước về công tác dân tộc.

- Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và điều hành của hệ thống cơ quan quản lý nhà nước về công tác dân tộc các cấp. Ứng dụng hệ thống cơ sở dữ liệu và chế độ thông tin, báo cáo về công tác dân tộc, nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về dân tộc.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Dân tộc

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, đoàn thể huyện, UBND các xã, thị trấn:

- Tham mưu UBND huyện triển khai thực hiện Kế hoạch trên địa bàn huyện, phân đầu hoàn thành các mục tiêu đề ra.

- Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra tình hình thực hiện Kế hoạch, định kỳ hằng năm tổng hợp báo cáo UBND huyện; tham mưu UBND huyện tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả, hiệu quả việc thực hiện Kế hoạch.

2. Phòng Tài chính – Kế hoạch

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu UBND huyện phân bổ kinh phí, lồng ghép nguồn vốn thực hiện các chương trình, chính sách, đề án đầu tư cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn huyện để thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch. Hướng dẫn việc triển khai thực hiện các quy định về huy động và sử dụng nguồn vốn tín dụng và các nguồn vốn hợp pháp khác thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn huyện để tăng

thêm nguồn lực đầu tư cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; hướng dẫn việc thanh quyết toán nguồn vốn theo quy định.

3. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Tham mưu UBND huyện các giải pháp để phát triển nông nghiệp trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo hướng bền vững, nâng cao chất lượng, gia tăng giá trị và khả năng cạnh tranh; hình thành các vùng chuyên canh tập trung với quy mô hợp lý, phù hợp với điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng của địa phương, hình thành các sản phẩm chủ lực của huyện.

- Tăng cường công tác khuyến nông, khuyến lâm, chuyên giao khoa học, kỹ thuật, hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị; chú trọng phát triển lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân; hoàn thành giao đất, giao rừng cho các hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư để bảo vệ, phát triển rừng hiệu quả, bền vững; kiên quyết chấm dứt tình trạng phá rừng làm nương rẫy và hủy hoại đất rừng.

4. Phòng Nội vụ

- Tham mưu UBND huyện kế hoạch và giải pháp trong thực hiện đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của huyện; trong đó chú trọng gắn công tác đào tạo, bồi dưỡng với công tác quy hoạch, xây dựng và phát triển tại chỗ đội ngũ cán bộ là người dân tộc thiểu số.

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan trong thực hiện bảo đảm tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số phù hợp với tỷ lệ dân số là người dân tộc thiểu số ở từng địa phương, cơ quan, đơn vị.

5. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu UBND huyện thực hiện các chính sách xã hội, chính sách về đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho đồng bào dân tộc thiểu số; tăng cường công tác giáo dục hướng nghiệp và phân luồng học sinh gắn với thực tiễn sản xuất kinh doanh và nhu cầu lao động tại địa phương.

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả công tác giảm nghèo, nhất là chính sách tạo việc làm và xuất khẩu lao động cho lao động vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; đẩy mạnh công tác tuyên truyền phòng chống các tệ nạn xã hội, thực hiện các biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

6. Phòng Giáo dục và Đào tạo

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu UBND huyện rà soát, sắp xếp mạng lưới các cơ sở giáo dục bảo đảm quyền lợi học tập của học sinh và đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; chú trọng củng cố và phát triển hợp lý số lượng, chất lượng, quy mô các trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh bán trú để đáp ứng nhu cầu học tập của con em người dân tộc thiểu số, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho vùng

đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

7. Phòng Y tế, Trung tâm Y tế

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu đề xuất đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các cơ sở y tế phục vụ công tác khám, chữa bệnh; bố trí cán bộ y tế có năng lực, trình độ, tâm huyết với nghề đến công tác ở các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Tiếp tục tham mưu kiện toàn mạng lưới y tế cơ sở để đảm bảo thực hiện tốt công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe cho Nhân dân trong tình hình mới; phối hợp với các cấp, các ngành tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục sức khỏe và tuyên truyền các chính sách về Y tế - Dân số ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Chú trọng nâng cao chất lượng dân số trong đồng bào dân tộc thiểu số; hỗ trợ thực hiện việc bảo tồn, khai thác các bài thuốc cổ truyền trong đồng bào dân tộc thiểu số.

8. Phòng Văn hóa và Thông tin

- Tham mưu cho UBND huyện triển khai và thực hiện có hiệu quả việc bảo tồn và phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số gắn với phát triển kinh tế - xã hội. Đồng thời vận động xóa bỏ dần các phong tục, tập quán không còn phù hợp.

- Tiếp tục tham mưu cho UBND huyện đẩy mạnh chuyển đổi số vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; xây dựng và phát triển đồng bộ hạ tầng dữ liệu phục vụ công tác quản lý, điều hành, chỉ đạo của các cơ quan chức năng.

9. Phòng Kinh tế - Hạ tầng

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu UBND huyện đầu tư hệ thống điện lưới quốc gia đến các bản chưa có điện vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 và những năm tiếp theo đảm bảo theo quy định.

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan đề xuất đầu tư, cải tạo, nâng cấp các chợ trung tâm cụm xã, chợ ở các xã nhằm tạo điều kiện lưu thông hàng hóa cho đồng bào dân tộc thiểu số; hướng dẫn, khuyến khích, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp phát triển sản xuất công nghiệp - thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Tăng cường các hoạt động khuyến công, xúc tiến thương mại, đưa hàng Việt về nông thôn miền núi nhằm hỗ trợ thúc đẩy sản xuất, lưu thông hàng hóa vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, đồng thời tiêu thụ nông sản hàng hóa cho Nhân dân. Thúc đẩy việc ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển giao tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, bảo quản, chế biến nông lâm sản trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, giá thành sản phẩm; khuyến khích khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh, đổi mới sáng tạo phù hợp với điều kiện đặc thù của địa phương.

10. Phòng Tài nguyên và Môi trường

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu UBND huyện rà soát, tổng hợp, theo dõi tình hình quản lý sử dụng đất ở, đất sản xuất ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; phối hợp, hoàn thành việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ đồng bào dân tộc thiểu số.

11. Phòng Tư pháp

Chủ trì tham mưu cho UBND huyện chỉ đạo, hướng dẫn và tổ chức thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, trong đó chú trọng đối tượng là đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn. Phối hợp với các cơ quan truyền thông tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số; thực hiện chính sách về trợ giúp pháp lý trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

12. Ngân hàng Chính sách xã hội huyện

Chủ trì thực hiện tốt chính sách tín dụng đối với các đối tượng hộ nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã đặc biệt khó khăn, nhằm tạo điều kiện để hộ nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được tiếp cận với nguồn vốn tín dụng ưu đãi để phát triển sản xuất, kinh doanh.

13. Công an huyện, Ban Chỉ huy Quân sự huyện

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan nắm chắc tình hình, thực hiện các biện pháp bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; tăng cường công tác tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

14. Trung tâm Văn hoá -TT - TH huyện

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, thông tin, xây dựng các chuyên trang, chuyên mục, tin, bài phản ánh về gương điển hình tiên tiến trong lao động, sản xuất, công tác xã hội ... trong đồng bào dân tộc thiểu số.

15. Đề nghị Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam huyện, Hội Nông dân huyện, Hội Phụ nữ huyện và các tổ chức chính trị - xã hội huyện

Chủ động phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai có hiệu quả các chính sách dân tộc; tăng cường vận động đồng bào dân tộc thiểu số đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số; nêu cao ý thức tự lực tự cường, củng cố khối đoàn kết dân tộc; thực hiện công tác giám sát, phản biện xã hội trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện Chiến lược công tác dân tộc trên địa bàn huyện.

16. Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn

- Chủ động xây dựng kế hoạch, tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch tại địa phương và phân công trách nhiệm cụ thể cho các ngành, đoàn thể thực hiện Kế hoạch phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương. Tổ chức thực hiện có hiệu quả các chương trình, đề án, chính sách, các nguồn kinh phí của Trung ương và địa phương; huy động nguồn lực từ các thành phần kinh tế và Nhân dân tham

gia đầu tư, hỗ trợ vào vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, phấn đấu hoàn thành các mục tiêu Kế hoạch đề ra;

- Theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Kế hoạch trên địa bàn; kịp thời chỉ đạo, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện ở địa phương.

17. Các cơ quan, đơn vị, đoàn thể huyện, UBND các xã, thị trấn căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, có trách nhiệm triển khai thực hiện hệ thống các chính sách dân tộc trên địa bàn huyện và các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này; định kỳ 6 tháng và hằng năm tổng hợp báo cáo tiến độ và tình hình thực hiện, đề xuất giải pháp tiếp tục thực hiện Kế hoạch gửi về UBND huyện (qua Phòng Dân tộc).

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn huyện Tuần Giáo. Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các cơ quan, đơn vị, đoàn thể huyện, UBND các xã, thị trấn báo cáo UBND huyện thông qua Phòng Dân tộc để tổng hợp, trình UBND huyện xem xét, điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện thực tiễn./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Ban Dân tộc tỉnh;
- TT Huyện ủy;
- TT HĐND huyện;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Ủy ban MTTQVN huyện và các tổ chức chính trị xã hội huyện;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phạm Thị Tuyên